

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ

2. Bà Huỳnh Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 29/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ 17, Khóm M, Phường V, D, An Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thanh Th, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 7, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông Th, Bà Th có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Anh Nguyễn Quốc Th trình bày:

Thông qua giới thiệu ông Th và bà Lê Thanh Th tìm hiểu và yêu htrương nhau, sau thời gian tìm hiểu được 3 tháng thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân được gia đình hai bên đồng ý và được tổ chức lễ cưới theo tập quán, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc; Giấy

chứng nhận kết hôn số 53, ngày 12/06/2017. Sau đám cưới ông Th và bà Th chung sống được 10 ngày thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay, nhận thấy do giới thiệu nên chưa có thời gian tìm hiểu, về sống với nhau thấy không hợp, xảy ra bất đồng quan điểm sống, vì vậy ông Th đề nghị Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xem xét giải quyết cho ly hôn với bà Lê Thanh Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng mới cưới chưa tạo lập được tài sản gì, chỉ có số nữ trang gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24kra và 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24kra. Tổng trị giá là 06 chỉ vàng là khoảng 24 triệu đồng, tài sản này là vàng cưới, hiện bà Th đang quản lý. Ông Th yêu cầu được nhận lại toàn bộ 6 chỉ vàng 24kra này, lý do cả hai không sống chung không do lỗi của ông Th, do bà Th tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, vì vậy bà Th phải hoàn trả lại toàn bộ số vàng cưới trên.

Bị đơn Lê Thanh Th trình bày:

Do mai mối, bà và ông Th tìm hiểu tiến đến hôn nhân, sau đó có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc. Do khi bà Th bệnh, về nhà cha mẹ ruột dưỡng bệnh bị gia đình chồng đuổi. Chồng nghe lời cha mẹ không lo lắng chăm sóc cho vợ. Nay vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có được tài sản bên chồng cho trong ngay cưới gồm có 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24kra và 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24kra. Tổng trị giá là 06 chỉ vàng. Hiện nay bà Th đang quản lý, nếu ông Th yêu cầu chia tài sản này, bà Th đồng ý trả lại 3 chỉ vàng 24kra.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, ông Th và bà Th có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Ông Th cho biết do được giới thiệu, chưa có thời gian tìm

hiểu nhau nhiều thì cả hai đi đến hôn nhân nên trong thời gian sống chung vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai chỉ sống chung với nhau 10 ngày thì ly thân. Về phía bà Th đồng ý ly hôn với ông Th. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn tình cảm với nhau nhưng các bên vẫn thống nhất ly hôn. Xét thấy, giữa ông Th và Bà Th không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Các bên thống nhất tài sản chung gồm 06 chỉ vàng 24kara được cha mẹ cho trong ngày cưới, hiện bà Th đang quản lý. Xét đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, các bên không thỏa thuận được và có yêu cầu giải quyết nên đề xuất chia đôi tài sản chung theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn Anh Nguyễn Quốc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thanh Th, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

** Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Th và Bà Th tiến đến hôn nhân qua thời gian ngắn 3 tháng tìm hiểu ngắn, sau đó sự đồng ý của hai bên gia đình mới tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc. Khi về sống chung bên gia đình chồng được gần một tháng, do ông Th đi làm tiếp thị ở Long Xuyên, ít có thời gian ở nhà. Bà Th lại đang làm nghề may tại nhà, khi lấy chồng thì làm công việc nội trợ, ngừng việc may vá, lẽ ra hai vợ chồng mới đám cưới, phải dành cho nhau sự quan tâm, chăm sóc, thông cảm và chia sẻ công việc của cả hai. Thế nhưng, cả ông Th và Bà Th đều xử sự trong cuộc sống vợ chồng chưa hài hòa, thiếu tôn trọng đối phương, từ đó có những cãi vã và dẫn đến mâu thuẫn tích tụ, từ đó, bà Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay.

Tại phiên hòa giải và cũng như tại phiên tòa, ông Th vẫn giữ nguyên ý kiến được ly hôn với bà Th. Còn bà Th đồng ý ly hôn vì không thể hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thêm nữa thì cũng không tìm thấy hạnh phúc, vì vậy nghĩ nên tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Th với bà Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Th và Bà Th khai không có nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: Theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tài sản chung của vợ chồng là tài sản mà vợ chồng được tặng cho chung. Ông Th và Bà Th đều khai được cho trong ngày cưới số nữ trang gồm có 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24kra và 01 vòng tay 02 chỉ vàng 24kra. Tổng trị giá là 06 chỉ vàng 24kr, hiện nay số tài sản này bà Th đang quản lý. Đồng thời qua xác minh bà Huỳnh Thị Loan, là mẹ ruột ông Th cho rằng số nữ trang này là do bà tặng cho con dâu trong ngày cưới, như vậy đây là tài sản của hai vợ chồng Th, Th.

Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn là tài sản chung của vợ chồng chia đôi, nhưng có tính đến các yếu tố như hoàn cảnh gia đình của vợ, chồng; công sức đóng góp của vợ, chồng, lỗi,...

Trong vụ án này, qua hòa giải và tại phiên tòa xét thấy về lỗi đều có cả ông Th và bà Th trong việc vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng, cả hai đã thiếu sự quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Từ đó mâu thuẫn tích tụ, kéo dài, dẫn đến việc ly thân và ông Th gửi đơn xin ly hôn với bà Th. Do đó căn cứ vào hoàn cảnh của bà Th, của ông Th, nghĩ nên chia đôi số vàng cưới, buộc bà Th giao trả cho ông Th hiện vật là 03 chỉ vàng 24 kara là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Th phải chịu án phí 300.000 đồng là án phí hôn nhân gia đình. Đối với án phí chia tài sản, ông Th phải chịu 615.000 đồng (giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.100.000 đồng/chỉ x 3 chỉ = 12.300.000 đồng x 5% = 615.000 đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Quốc Th đã nộp tại 02 (hai) biên lai tạm ứng án phí số 0003322 và 0003323 cùng ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc là 600.000 đồng. Như vậy, ông Th còn phải nộp 315.000 đồng mới đủ án phí. Bà Lê Thanh Th không phải chịu án phí hôn nhân, nhưng phải chịu án phí chia tài sản là 615.000 đồng.

[6] Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2019 ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Quốc Th và Bà Lê Thanh Th thuận tình ly hôn.

[2] Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Công nhận ông Nguyễn Quốc Th và Bà Lê Thanh Th có tài sản chung gồm 06 (Sáu) chỉ vàng 24kra được chia hiện vật mỗi người 03 (ba) chỉ vàng 24kra. Buộc Bà Lê Thanh Th có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc Th 03 (ba) chỉ vàng 24kra. Thời gian giao trả vàng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Th phải chịu án phí 300.000 đồng là án phí hôn nhân gia đình và phải chịu 615.000 đồng án phí chia tài sản. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Quốc Th đã nộp tại 02 (hai) biên lai tạm ứng án phí số 0003322 và 0003323 cùng ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc là 600.000 đồng. Ông Th còn phải nộp 315.000 đồng là đủ án phí. Bà Lê Thanh Th không phải chịu án phí hôn nhân, phải chịu án phí chia tài sản là 615.000 đồng.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2019 ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà

